

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 - KHÓA 04

Kỳ kiểm tra ngày 14 tháng 12 năm 2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTCN ngày / /2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ Thuật - Công Nghệ Cần Thơ)*

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	N. SINH	NƠI SINH	ĐIỂM MÔN NGHE	ĐIỂM MÔN ĐỌC	ĐIỂM MÔN VIẾT	ĐIỂM MÔN NÓI	KẾT QUẢ
1	B14001	QTKD2311022	Nguyễn Mỹ Ái	12/07/2005	Cần Thơ	7.3	6.8	6.0	5.0	Đạt
2	B14002	CNDT2311001	Nguyễn Thành Trun Chánh	11/02/2005	Sóc Trăng	7.3	5.8	5.0	0.0	Không đạt
3	B14003	QTKD2311031	Thái Thị Mỹ Diên	27/12/2005	Kiên Giang	9.0	8.0	7.5	7.5	Đạt
4	B14004	CNCD2311011	Võ Chí Dư	11/06/2005	Bạc Liêu	8.0	7.8	6.5	6.0	Đạt
5	B14005	QLXD2311022	Đinh Công Đức	24/12/2005	Cần Thơ	5.3	3.5	0.5	5.0	Không đạt
6	B14006	CNCD2311035	Bùi Hoàng Hát	04/03/2005	Hậu Giang	10.0	8.8	5.5	7.0	Đạt
7	B14007	KHMT2311049	Nguyễn Nhật Hoàng	02/08/2005	Sóc Trăng	7.0	8.5	7.5	8.0	Đạt
8	B14008		Phan Nhựt Huy	14/10/2001	Sóc Trăng	4.0	5.0	5.5	6.5	Không đạt
9	B14009	CNTP2311036	Trần Nhật Huy	11/01/2005	Kiên Giang	6.3	5.8	7.0	7.5	Đạt
10	B14010	KHMT2311058	Thái Phúc Khang	09/02/2005	Sóc Trăng	8.8	8.5	7.0	7.5	Đạt
11	B14011	CNXD2311001	Nguyễn Duy Khánh	22/02/2005	Sóc Trăng	9.5	9.0	5.0	0.0	Không đạt
12	B14012	CNDT2311029	Phạm Lê Đăng Khoa	18/10/2005	Cần Thơ	9.3	8.3	6.5	6.5	Đạt
13	B14013	HTTT2311004	Nguyễn Đức Lương	01/07/2002	Cần Thơ	8.8	7.0	6.0	7.0	Đạt

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	N. SINH	NƠI SINH	ĐIỂM MÔN NGHE	ĐIỂM MÔN ĐỌC	ĐIỂM MÔN VIẾT	ĐIỂM MÔN NÓI	KẾT QUẢ
14	B14014	CNTP2311071	Nguyễn Thị Bích Ngân	02/02/2005	Sóc Trăng	6.8	8.0	5.5	5.5	Đạt
15	B14015	HTTT2311018	Phan Đặng Đức Nguyễn	01/07/2005	An Giang	10.0	8.5	5.0	5.0	Đạt
16	B14016	LUAT2311063	Trịnh Ngọc Thanh Nhã	03/11/2005	Cà Mau	8.0	7.3	6.0	7.5	Đạt
17	B14017	HTTT2311039	Nguyễn Đắc Nhân	24/05/2005	Cần Thơ	9.8	9.0	6.5	7.0	Đạt
18	B14018	CNXD2311004	Nguyễn Hoàng Nhân	28/02/2004	Cần Thơ	4.3	3.0	1.0	0.0	Không đạt
19	B14019	HTTT2311032	Liều Hiếu Nhi	06/06/2005	Sóc Trăng	8.8	8.5	5.5	7.5	Đạt
20	B14020	LUAT2311007	Phạm Ngọc Nhi	09/08/2005	Tiền Giang	8.0	6.8	7.0	5.0	Đạt
21	B14021	LUAT2311056	Quách Phi Nhung	02/02/2005	Bạc Liêu	6.8	3.5	5.5	5.0	Không đạt
22	B14022	LUAT2311019	Sơn Thị Mỹ Như	20/01/2005	Sóc Trăng	5.0	3.3	2.5	5.5	Không đạt
23	B14023	HTTT2311046	Trần Thiên Phú	04/10/2005	Hậu Giang	10.0	9.3	5.5	6.0	Đạt
24	B14024	CNTT2411048	Lê Đăng Quang	12/11/2006	Cà Mau	10.0	9.5	7.5	7.0	Đạt
25	B14025	QTKD2311007	Lê Văn Sang	28/11/2005	Cà Mau	10.0	9.5	8.0	5.0	Đạt
26	B14026	CNDT2311018	Lê Thái Toàn	12/01/2005	Đồng Tháp	7.8	8.0	6.0	5.0	Đạt
27	B14027	HTTT2311009	Huỳnh Gia Tuấn	07/01/2005	Vĩnh Long	6.8	5.5	3.0	3.0	Không đạt
28	B14028	CNCD2311046	Nguyễn Thanh Thiện	23/11/2005	Sóc Trăng	10.0	9.3	7.5	6.0	Đạt
29	B14029	CNDT2311051	Nguyễn Đức Thịnh	03/01/2005	Hậu Giang	8.0	5.8	5.0	5.0	Đạt
30	B14030	QLXD2311010	Nguyễn Hiếu Thuận	05/05/2005	Cà Mau	6.8	8.8	5.0	4.0	Không đạt
31	B14031		Nguyễn Minh Thuận	20/12/2002	Đồng Tháp	8.3	9.0	6.5	4.0	Không đạt
32	B14032	QTKD2311014	Trần Bảo Trâm	03/07/2005	Bạc Liêu	9.8	8.0	7.0	6.0	Đạt
33	B14033	LUAT2311001	Nguyễn Hồ Thanh Trúc	10/06/2005	Đồng Tháp	9.8	9.5	7.0	8.0	Đạt
34	B14034	LUAT2311037	Huỳnh Thị Như Ý	30/01/2005	Sóc Trăng	6.3	7.0	0.5	4.0	Không đạt
35	B14035	QLXD2311048	Nguyễn Trung Kiên	08/09/2005	Cần Thơ	7.3	7.0	2.0	3.0	Không đạt

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		N. SINH	NƠI SINH	ĐIỂM MÔN NGHE	ĐIỂM MÔN ĐỌC	ĐIỂM MÔN VIẾT	ĐIỂM MÔN NÓI	KẾT QUẢ
36	B14036	QLXD2311006	Trần Đăng	Khoa	22/03/2005	Bạc Liêu	9.3	7.8	5.0	4.0	Không đạt
37	B14037	CNXD2311007	Đình Hoàng	Long	03/08/2005	Hậu Giang	6.5	6.3	5.0	0.0	Không đạt
38	B14038	CNXD2311009	Mai Bảo	Lộc	23/09/2005	Sóc Trăng	8.8	6.8	5.0	0.0	Không đạt
39	B14039	CNXD2311024	Chu Kim	Ngọc	10/01/2005	Hậu Giang	5.3	7.0	1.5	0.0	Không đạt
40	B14040	CNHH2311027	Nguyễn Thị	Nhàn	02/03/2005	Bến Tre	6.0	6.0	5.0	6.0	Đạt
41	B14041	KETO2311014	Đoàn Hồng	Nhớ	02/10/2005	Bạc Liêu	6.5	6.5	5.0	5.0	Đạt
42	B14042	KHMT2311068	Nguyễn Trần Hưng	Phát	22/11/2005	Sóc Trăng	8.8	6.3	7.0	6.0	Đạt
43	B14043	TCNH2411030	Lê Thị Na	Ril	12/04/2006	Sóc Trăng	5.3	5.3	5.0	5.0	Đạt
44	B14044	CNHH2311038	Trần Mỹ	Tiên	26/08/2004	Cà Mau	5.0	6.3	5.0	5.0	Đạt
45	B14045	KETO2311009	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	10/06/2005	Đồng Tháp	7.0	7.0	5.5	5.0	Đạt
46	B14046	KETO2311049	Bùi Thị Anh	Thư	13/11/2005	Đồng Tháp	7.8	5.8	6.0	6.0	Đạt

Tổng số thí sinh đạt: 30

Tổng số thí sinh không đạt: 16

Cần Thơ, ngày tháng năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGND. PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã